

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

Số: 45/2015/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Quảng Ngãi, ngày 31 tháng 8 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định chính sách hỗ trợ đặc thù khuyến khích
doanh nghiệp và hợp tác xã đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa
bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2015-2020**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 16/12/2002;

Căn cứ Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 05/2014/TT-BKHĐT ngày 30/9/2014 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thực hiện Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ về Chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn;

Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: số 14/2014/TT-BNNPTNT ngày 28/4/2014 ban hành Danh mục giống vật nuôi cao sản và số 43/2014/TT-BNNPTNT ngày 18/11/2014 ban hành Danh mục sản phẩm nông lâm thủy sản, sản phẩm phụ trợ, sản phẩm cơ khí để bảo quản, chế biến nông lâm thủy sản được hỗ trợ theo Nghị định 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 30/2015/TT-BTC ngày 09/3/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, thanh toán và quyết toán các khoản hỗ trợ doanh nghiệp theo Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị quyết số 10/2015/NQ-HĐND tỉnh ngày 20/07/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi Quy định chính sách hỗ trợ đặc thù khuyến khích doanh nghiệp và hợp tác xã đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2015-2020;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 974/TTr-SKHĐT ngày 14/8/2015 và Giám đốc Sở Tư pháp tại Báo cáo thẩm định số 158/BC-STP ngày 05/8/2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định chính sách hỗ trợ đặc thù khuyến khích doanh nghiệp và hợp tác xã đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2015-2020.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Giao thông Vận tải, Y tế; Trưởng Ban quản lý Khu kinh tế Dung Quất, Trưởng Ban quản lý các khu công nghiệp Quảng Ngãi; Thủ trưởng các sở, ngành có liên quan; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
Lê Viết Chũ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Chính sách hỗ trợ đặc thù khuyến khích doanh nghiệp và hợp tác xã đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2015-2020

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 45/2015/QĐ-UBND ngày 31/8/2015 của Ủy
ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định chính sách hỗ trợ đặc thù khuyến khích doanh nghiệp và hợp tác xã có dự án đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2015-2020 thuộc các lĩnh vực sau:

1. Dự án đầu tư cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm có công suất nhỏ hơn so với công suất quy định tại Nghị định số 210/2013/NĐ-CP;
2. Dự án đầu tư cơ sở chăn nuôi gia súc có quy mô nhỏ hơn so với quy mô quy định tại Nghị định số 210/2013/NĐ-CP;
3. Dự án đầu tư vùng sản xuất rau an toàn;
4. Dự án đầu tư vùng sản xuất cây dược liệu: cây quế và cây sa nhân có quy mô nhỏ hơn so với qui mô quy định tại Nghị định số 210/2013/NĐ-CP.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Nhà đầu tư được hỗ trợ là doanh nghiệp, hợp tác xã được thành lập và đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam.
2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc thực hiện chính sách hỗ trợ theo quy định tại Quy định này.

Điều 3. Hình thức và nguyên tắc thực hiện hỗ trợ

1. Hình thức thực hiện hỗ trợ

Nhà đầu tư được lựa chọn một trong hai hình thức thực hiện hỗ trợ như sau:

a) Hình thức thực hiện đầu tư theo quy trình đầu tư xây dựng cơ bản hiện hành: Điều kiện là các nội dung hỗ trợ đầu tư phải được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt thiết kế, dự toán hạng mục, công trình hoặc phê duyệt thiết kế tổng dự toán của cả dự án trước khi triển khai.

b) Hình thức tự thực hiện: Sau khi được Ủy ban nhân dân tỉnh cấp Quyết định hỗ trợ đầu tư, nhà đầu tư tự tổ chức thực hiện nội dung hỗ trợ. Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, thanh toán theo mức hỗ trợ quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 05/2014/TT-BKHĐT.

2. Nguyên tắc thực hiện hỗ trợ:

a) Ngân sách nhà nước thực hiện hỗ trợ sau đầu tư và sau khi nhà đầu tư hoàn thành đầy đủ hồ sơ theo quy định.

b) Trường hợp nhà đầu tư có dự án đầu tư được hưởng nhiều mức hỗ trợ đầu tư khác nhau quy định tại các văn bản pháp luật khác nhau trong cùng một thời gian thì được lựa chọn áp dụng mức hỗ trợ đầu tư có lợi nhất.

Chương II CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ ĐẶC THÙ

Điều 4. Hỗ trợ đầu tư cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm

1. Điều kiện hỗ trợ

Thỏa mãn các điều kiện sau:

a) Cơ sở giết mổ tập trung công nghiệp có công suất giết mổ một ngày đêm phải đạt tối thiểu 20 con bò, trâu hoặc 100 con heo hoặc 500 con gia cầm.

b) Dự án nằm trong khu quy hoạch giết mổ gia súc, gia cầm được duyệt hoặc được Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận nếu chưa có quy hoạch được duyệt.

c) Bảo đảm vệ sinh thú y, an toàn phòng chống dịch bệnh, an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường theo các quy định của pháp luật về thú y, an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường.

d) Nhà đầu tư phải sử dụng tối thiểu 30% lao động tại địa phương.

2. Mức hỗ trợ

a) Hỗ trợ 70% chi phí đầu tư, nhưng không quá 01 tỷ đồng/dự án để xây dựng cơ sở hạ tầng về điện, nước, nhà xưởng, xử lý chất thải và mua thiết bị.

b) Trường hợp dự án chưa có đường giao thông, hệ thống điện, cấp thoát nước đến hàng rào dự án thì được hỗ trợ 70% chi phí đầu tư, nhưng không quá 2,5 tỷ đồng đầu tư xây dựng các hạng mục trên.

Điều 5. Hỗ trợ đầu tư cơ sở chăn nuôi gia súc

1. Điều kiện hỗ trợ

Thỏa mãn các điều kiện sau:

a) Cơ sở có quy mô chăn nuôi thường xuyên tập trung từ 500 con trở lên đối với lợn thịt; hoặc từ 200 con trở lên đối với trâu, bò, dê; hoặc từ 100 con đối với bò thịt cao sản nhập ngoại.

b) Dự án nằm trong quy hoạch được duyệt của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc được Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận nếu chưa có quy hoạch được duyệt.

c) Bảo đảm vệ sinh thú y, an toàn phòng chống dịch bệnh, an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường theo các quy định của pháp luật về thú y, an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường.

d) Nhà đầu tư phải sử dụng tối thiểu 30% lao động tại địa phương.

2. Mức hỗ trợ

a) Hỗ trợ 70% chi phí đầu tư, nhưng không quá 1,5 tỷ đồng/dự án để xây dựng cơ sở hạ tầng về xử lý chất thải, giao thông, điện, nước, nhà xưởng, đồng cỏ và mua thiết bị.

b) Trường hợp dự án chưa có đường giao thông, hệ thống điện, cấp thoát nước đến hàng rào dự án thì được hỗ trợ 70% chi phí đầu tư, nhưng không quá 2,5 tỷ đồng đầu tư xây dựng các hạng mục trên.

Điều 6. Hỗ trợ đầu tư vùng sản xuất rau an toàn

1. Điều kiện hỗ trợ

Thỏa mãn các điều kiện sau:

a) Có quy mô diện tích trồng tập trung từ 05 ha trở lên.

Diện tích đất trồng rau an toàn nêu tại điểm a khoản 1 Điều này là diện tích đất mà doanh nghiệp, hợp tác xã được Nhà nước cho thuê hoặc diện tích do doanh nghiệp, hợp tác xã liên doanh, liên kết với tổ chức, hộ gia đình và cá nhân hoặc diện tích do doanh nghiệp, hợp tác xã thuê, mượn của tổ chức, hộ gia đình và cá nhân.

b) Dự án nằm trong quy hoạch được duyệt của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc được Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận nếu dự án chưa có trong quy hoạch được duyệt.

c) Được cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm.

d) Nhà đầu tư phải sử dụng tối thiểu 30% lao động tại địa phương.

2. Mức hỗ trợ

a) Hỗ trợ 70% chi phí đầu tư, nhưng không quá 1,5 tỷ đồng/dự án để đầu tư xây dựng đồng ruộng, nhà sơ chế, nhà kho, mua máy móc, thiết bị.

b) Trường hợp dự án chưa có đường giao thông, hệ thống điện, cấp thoát nước đến hàng rào dự án thì được hỗ trợ 70% chi phí đầu tư, nhưng không quá 2,5 tỷ đồng đầu tư xây dựng các hạng mục trên.

Điều 7. Hỗ trợ đầu tư vùng sản xuất cây dược liệu: cây quế và cây sa nhân

1. Điều kiện hỗ trợ

Thỏa mãn các điều kiện sau:

a) Đối với dự án trồng cây có quy mô diện tích từ 30 ha trở lên đối với cây quế hoặc từ 20 ha trở lên đối với cây sa nhân. Đối với cơ sở sản xuất cây giống có quy mô 500.000 cây giống quế/năm trở lên hoặc 200.000 cây giống sa nhân/năm trở lên.

Diện tích đất trồng cây được liệt kê nêu tại điểm a khoản 1 Điều này là diện tích đất mà doanh nghiệp, hợp tác xã được Nhà nước cho thuê hoặc diện tích do doanh nghiệp, hợp tác xã liên doanh, liên kết với tổ chức, hộ gia đình và cá nhân hoặc diện tích do doanh nghiệp, hợp tác xã thuê, mượn của tổ chức, hộ gia đình và cá nhân.

b) Dự án nằm trong quy hoạch được duyệt của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc được Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận nếu chưa có quy hoạch được duyệt.

c) Nhà đầu tư phải sử dụng tối thiểu 30% lao động tại địa phương.

2. Mức hỗ trợ

a) Hỗ trợ 15 triệu đồng/ha để xây dựng vùng sản xuất.

b) Hỗ trợ 70% chi phí đầu tư/cơ sở, nhưng không quá 01 tỷ đồng để xây dựng cơ sở sản xuất cây giống.

Điều 8. Hồ sơ, trình tự, thủ tục thực hiện hỗ trợ đầu tư; lập kế hoạch hỗ trợ đầu tư, giám sát đầu tư và chế độ báo cáo

1. Hồ sơ, trình tự, thủ tục thực hiện hỗ trợ đầu tư: Thực hiện theo quy định tại Chương II, Thông tư số 05/2014/TT-BKHĐT.

2. Lập kế hoạch hỗ trợ đầu tư, giám sát đầu tư và chế độ báo cáo: Thực hiện theo quy định tại Chương III, Thông tư số 05/2014/TT-BKH.

Điều 9. Nguồn kinh phí hỗ trợ

Ngân sách tỉnh và lồng ghép các nguồn vốn từ các chương trình, dự án có cùng mục tiêu.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 10. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành, địa phương và đơn vị có liên quan

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư

a) Trên cơ sở đề xuất danh mục các dự án khuyến khích đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ban quản lý Khu kinh tế, Ban quản lý các Khu công nghiệp Quảng Ngãi; UBND các huyện, thành phố, giao Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, chủ trì phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính và các ngành chức năng liên quan thẩm tra và trình

UBND tỉnh xem xét, phê duyệt; công bố dự án và tổ chức xúc tiến đầu tư.

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan liên quan tổng hợp, xây dựng kế hoạch kinh phí hỗ trợ cho doanh nghiệp, hợp tác xã hàng năm và trung hạn, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định;

c) Hướng dẫn doanh nghiệp, hợp tác xã về trình tự, thủ tục thực hiện hỗ trợ đầu tư theo quy định này;

d) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan thẩm tra hồ sơ do doanh nghiệp hoặc hợp tác xã nộp, trình UBND tỉnh xem xét, quyết định hỗ trợ đầu tư; phối hợp với Sở Tài chính tham mưu UBND tỉnh xem xét, quyết định thu hồi kinh phí hỗ trợ nếu doanh nghiệp thực hiện không đúng nội dung được hỗ trợ.

e) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan giám sát việc triển khai các dự án trong tỉnh.

g) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham gia xác nhận khối lượng hoàn thành các hạng mục đầu tư, gói thầu; nghiệm thu hoàn thành dự án.

2. Sở Tài chính

a) Đề xuất phân bổ ngân sách đảm bảo nguồn lực để thực hiện chính sách hỗ trợ theo đúng quy định tại Nghị định số 210/2013/NĐ-CP và theo Quy định này. Chủ trì kiểm tra việc quản lý, sử dụng các khoản hỗ trợ, trường hợp phát hiện những khoản hỗ trợ không đúng quy định, hoặc sử dụng kinh phí hỗ trợ không đúng mục đích thì lập biên bản, trình UBND tỉnh quyết định thu hồi.

b) Tiếp nhận, thẩm định hồ sơ của nhà đầu tư đề nghị tạm ứng hoặc thanh toán, phối hợp với Kho bạc nhà nước Quảng Ngãi thực hiện chi trả tiền hỗ trợ cho đối tượng được hỗ trợ; hướng dẫn việc lập dự toán, thanh toán và quyết toán các khoản hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã theo quy định của Nghị định số 210/2013/NĐ-CP và theo Quy định này.

c) Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm tra đối với các dự án; Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham gia xác nhận khối lượng hoàn thành các hạng mục đầu tư, gói thầu; nghiệm thu hoàn thành dự án.

3. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Hàng năm trên cơ sở quy hoạch phát triển của ngành và tình hình thực tế rà soát, đề xuất danh mục các dự án khuyến khích đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, thẩm tra trình UBND tỉnh xem xét, phê duyệt.

b) Là cơ quan chủ trì nghiệm thu, xác nhận khối lượng hoàn thành các hạng mục đầu tư, gói thầu; nghiệm thu hoàn thành dự án; trường hợp hạng mục đầu tư, gói thầu phức tạp về kỹ thuật, cơ quan chủ trì nghiệm thu mời các cơ quan chuyên ngành

xác nhận khối lượng hoàn thành.

c) Thực hiện công tác kiểm dịch động, thực vật và quản lý chất lượng sản phẩm nông, lâm, thủy sản.

d) Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm tra, giám sát việc triển khai đối với các dự án.

4. Các Sở: Xây dựng, Công Thương, Khoa học và Công nghệ, Giao thông vận tải, Y tế, Tài nguyên và Môi trường, Ban quản lý Khu kinh tế Dung Quất, Ban quản lý các KCN Quảng Ngãi, UBND các huyện, thành phố:

a) Hàng năm, trên cơ sở quy hoạch phát triển của ngành, địa phương, đơn vị và tình hình thực tế rà soát, đề xuất danh mục các dự án khuyến khích đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, thẩm tra trình UBND tỉnh xem xét, phê duyệt.

b) Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm tra, giám sát việc triển khai thực hiện dự án.

Điều 11. Quy định chuyển tiếp

1. Dự án đã thực hiện trước ngày Quy định này có hiệu lực mà thỏa mãn các điều kiện để được hưởng hỗ trợ thì được hỗ trợ như sau:

a) Được hỗ trợ cho các hạng mục đầu tư, gói thầu của dự án thực hiện sau ngày Quy định này có hiệu lực.

b) Không hỗ trợ đối với các hạng mục đầu tư, gói thầu đã thực hiện trước ngày Quy định này có hiệu lực.

2. Trường hợp dự án đã hoàn thành các hạng mục đầu tư và đưa vào vận hành trước ngày Quy định này có hiệu lực mà tiếp tục đầu tư mở rộng quy mô, thì được hưởng chính sách hỗ trợ đặc thù này nếu phân mở rộng thỏa mãn các điều kiện hỗ trợ.

Điều 12. Tổ chức thực hiện

Trong quá trình thực hiện nếu có vấn đề chưa phù hợp hoặc phát sinh mới, các cơ quan, đơn vị, địa phương, doanh nghiệp, hợp tác xã có trách nhiệm báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Kế hoạch và Đầu tư) để kịp thời sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
Lê Viết Chữ**